

## HƯỚNG DẪN

### Về việc lập, điều chỉnh dự toán chi phí dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về quản lý dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Sở Xây dựng hướng dẫn lập, điều chỉnh dự toán chi phí dịch vụ công đô thị theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi công bố kèm theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

#### 1. Xác định giá nhân công

##### 1.1. Nguyên tắc xác định và điều chỉnh đơn giá nhân công

a) Đơn giá nhân công được xác định theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH.

b) Đơn giá nhân công được điều chỉnh khi mức lương cơ sở ( $ML_{cs}$ ) do Chính phủ quy định điều chỉnh theo từng thời kỳ và theo hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương theo vùng của UBND tỉnh.

### 1.2. Mức lương cơ sở để xác định đơn giá nhân công ( $ML_{cs}$ )

Theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang:  $ML_{cs} = 1.800.000$  đồng/tháng.

**1.3. Cấp bậc, hệ số lương, nhóm công việc của công nhân trực tiếp sản xuất cung cấp dịch vụ công ích:** Theo quy định tại khoản 2.3 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH.

### 1.4. Xác định đơn giá nhân công

$$G_{nc} = \frac{(H_{cb} + H_{pckv}) \times ML_{cs} \times (1 + H_{đc})}{26}$$

Trong đó:

$G_{nc}$  : Đơn giá nhân công tính cho một ngày công (đ/ngày).

$ML_{cs}$  : Mức lương cơ sở (đ/tháng).

$H_{cb}$  : Hệ số lương cấp bậc công việc tại mục 1.3.

$H_{pckv}$  : Hệ số phụ cấp khu vực 7 mức: 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 áp dụng đối với người lao động làm việc ở địa bàn mà Nhà nước quy định cán bộ, công chức làm việc ở địa bàn này được hưởng phụ cấp khu vực;

$H_{đc}$  : Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương theo Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh, xác định theo bảng sau:

TT	Huyện, vùng	Hệ số điều chỉnh $H_{đc}$
1	Thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh (Vùng III)	0,6
2	Các huyện còn lại (Vùng IV)	0,4

## 2. Điều chỉnh chi phí nhân công khi lập dự toán theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh công bố

- Chi phí nhân công khi lập dự toán theo đơn giá (CPNC) bằng chi phí nhân công trong Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị công bố theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh (NC) nhân với hệ số điều chỉnh nhân công ( $K_{NC}$ ).

$$CPNC = NC \times K_{NC}$$

Hệ số  $K_{NC}$  phụ thuộc vào vùng (III hoặc IV), hệ số phụ cấp khu vực và tra theo bảng sau:

Hệ số phụ cấp khu vực	0	0,1	0,2	0,3	0,4	0,5
Hệ số $K_{NC}$ Vùng III	1,670	1,740	1,811	1,882	1,953	2,024
Hệ số $K_{NC}$ Vùng IV	1,461	1,523	1,585	1,647	1,709	1,771

### 3. Chi phí máy và phương pháp xác định đơn giá ca máy và thiết bị

a) Trường hợp đối với một số máy, thiết bị đã có trong định mức ca máy và thiết bị thi công do Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD

- Đơn giá ca máy và thiết bị tính theo Phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tại Phụ lục V Thông tư số 13/2021/TT-BXD.

- Cấp bậc, hệ số lương của công nhân điều khiển máy theo Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH.

- Đơn giá nhân công của công nhân điều khiển máy tính theo điểm 1.4 Mục I Hướng dẫn này.

- Chi phí máy tính theo đơn giá ca máy và thiết bị nêu trên thay thế chi phí máy trong dự toán tính theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị công bố theo Quyết định số 534/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

b) Trường hợp đối với một số máy, thiết bị không có trong định mức ca máy và thiết bị thi công do Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD mà có trong định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng do Bộ xây dựng công bố tại Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 thì chi phí máy (CPM) trong dự toán dịch vụ công ích đô thị lập theo Bộ đơn giá do UBND tỉnh công bố, tham khảo cách tính sau:

$$CPM = CPM^{DG} + \sum_{i=1}^n C_A^i \times [M_{TL}^i \times (K_{NC} - 1) + M_{NL}^i \times (G_2 - G_1) \times K_P]$$

Trong đó:

+  $CPM^{DG}$ : Tổng chi phí máy theo Bộ đơn giá đã công bố;

+  $C_A^i$ : Số ca máy của loại máy thứ i;

+  $M_{TL}^i$ : Hao phí tiền lương thợ điều khiển máy của loại máy thứ i tại cột 7 Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);

+  $K_{NC}$ : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công ca máy, tính theo mục 2 Hướng dẫn này;

+  $M_{NL}^i$ : Định mức nhiên liệu, năng lượng của loại máy thứ i tại cột 3 Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);

+  $G_1$ : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm xây dựng Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);

+  $G_2$ : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm lập, điều chỉnh dự toán;

+  $K_P$ : Hệ số chi phí nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho một ca máy làm việc.

TT	Tên nhiên liệu, điện năng	ĐVT	Hệ số nhiên liệu phụ $K_P$ (13/2021/TT-BXD)	$G_1$ (402/QĐ-UBND)
1	Xăng E5 RON 92	đ/lít	1,02	12.955
2	Dầu Diesel 0,05S	đ/lít	1,03	10.600
3	Điện	đ/kWh	1,05	1622

4. Các chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức được tính bằng định mức tỷ lệ (%) theo quy định tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## 5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hướng dẫn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí dịch vụ công đô thị sử dụng nguồn vốn khác áp dụng hướng dẫn này để xác định và quản lý chi phí dịch vụ công đô thị.

5.2. Hướng dẫn này áp dụng kể từ ngày 5/12/2023 và thay thế Hướng dẫn số 1965/HD-SXD ngày 01/7/2019 của Sở Xây dựng về việc lập, điều chỉnh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5.3. Đối với hợp đồng năm 2023 đã ký trước ngày 05/12/2023 (ngày có hiệu lực thi hành Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh) không phải điều chỉnh giá trị dự toán hay giá trị hợp đồng.

5.4. Kể từ ngày 5/12/2023 việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công đô thị thực hiện theo Bộ đơn giá công bố theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy theo Hướng dẫn này.

5.5. Đối với các dự toán chi phí dịch vụ công đô thị đã được phê duyệt trước ngày 05/12/2023 để hoàn thành quy trình lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công đô thị của năm 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh và đang tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công đô thị mà chưa hoàn thành việc ký hợp đồng thì điều chỉnh dự toán chi phí theo Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: TC, LĐT&XH;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- BQL KKT D.Quất và các KCN Q.Ngãi;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang tin Sở XD;
- Lưu: VT, CL&VL<sub>K</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hồng**